

127/2020 VIET NAM - SOUTHWEST COAST - TRA VINH - Dredged areas, legends.

Source: Viet Nam Maritime Safety - South, Notice No. 132/TBHH-TCTBDATHHMN

Chart - VN50038 [*previous update 77/2020*]

Insert	limit of dredged area, pecked line, joining:	9°32.16'N	106°33.59'E
		9°32.10'N	106°33.54'E
Amend	legend to, 6.5m (06/2020), centred on:	9°31.73'N	106°34.03'E
	legend to, 4m (06/2020), centred on:	9°32.94'N	106°32.66'E
	legend to, 4.5m (06/2020), centred on:	9°34.46'N	106°30.94'E
	legend to, 4.5m (06/2020), centred on:	9°35.10'N	106°30.21'E
	legend to, 4.5m (06/2020), centred on:	9°36.25'N	106°28.95'E
	legend to, 1.3m (06/2020), centred on:	9°37.35'N	106°27.77'E
	legend to, 6.2m (06/2020), centred on:	9°37.51'N	106°27.25'E
	legend to, 4.6m (06/2020), centred on:	9°37.67'N	106°25.86'E
	legend to, 4.4m (06/2020), centred on:	9°37.58'N	106°22.16'E
	legend to, 1.6m (06/2020), centred on:	9°37.48'N	106°21.58'E
	legend to, 3.5m (06/2020), centred on:	9°37.26'N	106°20.44'E

Chart - VN50039 [*previous update 77/2020*]

Insert	limit of dredged area, pecked line, joining:	9°32.16'N	106°33.59'E
		9°32.10'N	106°33.54'E
Amend	legend to, 6.5m (06/2020), centred on:	9°31.73'N	106°34.03'E
	legend to, 4m (06/2020), centred on:	9°32.94'N	106°32.66'E
	legend to, 4.5m (06/2020), centred on:	9°34.46'N	106°30.94'E

Chart - VN50040 [*previous update 77/2020*]

Amend	legend to, 3.5m (06/2020), centred on:	9°37.26'N	106°20.44'E
	legend to, 3m (06/2020), centred on:	9°36.73'N	106°17.65'E
	legend to, 2.4m (06/2020), centred on:	9°36.61'N	106°17.03'E
	legend to, 5.9m (06/2020), centred on:	9°36.66'N	106°16.73'E

Chart - VN50041 [*previous update 77/2020*]

Amend	legend to, 5.7m (06/2020), centred on:	9°37.70'N	106°15.00'E
	legend to, 5.7m (06/2020), centred on:	9°39.30'N	106°12.89'E
	legend to, 5.7m (06/2020), centred on:	9°41.10'N	106°10.60'E

(All positions are referred to WGS84 Datum)

127/2020 VIỆT NAM - BỜ BIỂN TÂY NAM BỘ - TRÀ VINH - Khu vực được nạo vét, chú giải.

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, Thông báo số 132/TBHH-TCTBDATHHMN

Hải đồ - VN50038 [*cập nhật trước 77/2020*]

Chèn	giới hạn luồng được nạo vét, đường nét đứt, nổi:	9°32.16'N	106°33.59'E
		9°32.10'N	106°33.54'E
Sửa	chú giải đổi thành, 6.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°31.73'N	106°34.03'E
	chú giải đổi thành, 4m (06/2020), tâm đặt tại:	9°32.94'N	106°32.66'E
	chú giải đổi thành, 4.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°34.46'N	106°30.94'E

chú giải đổi thành, 4.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°35.10'N	106°30.21'E
chú giải đổi thành, 4.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°36.25'N	106°28.95'E
chú giải đổi thành, 1.3m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.35'N	106°27.77'E
chú giải đổi thành, 6.2m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.51'N	106°27.25'E
chú giải đổi thành, 4.6m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.67'N	106°25.86'E
chú giải đổi thành, 4.4m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.58'N	106°22.16'E
chú giải đổi thành, 1.6m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.48'N	106°21.58'E
chú giải đổi thành, 3.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.26'N	106°20.44'E

Hải đồ - VN50039 [*cập nhật trước 77/2020*]

Chèn	giới hạn luồng được nạo vét, đường nét đứt, nổi:	9°32.16'N	106°33.59'E
		9°32.10'N	106°33.54'E

Sửa	chú giải đổi thành, 6.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°31.73'N	106°34.03'E
	chú giải đổi thành, 4m (06/2020), tâm đặt tại:	9°32.94'N	106°32.66'E
	chú giải đổi thành, 4.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°34.46'N	106°30.94'E

Hải đồ - VN50040 [*cập nhật trước 77/2020*]

Sửa	chú giải đổi thành, 3.5m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.26'N	106°20.44'E
	chú giải đổi thành, 3m (06/2020), tâm đặt tại:	9°36.73'N	106°17.65'E
	chú giải đổi thành, 2.4m (06/2020), tâm đặt tại:	9°36.61'N	106°17.03'E
	chú giải đổi thành, 5.9m (06/2020), tâm đặt tại:	9°36.66'N	106°16.73'E

Hải đồ - VN50041 [*cập nhật trước 77/2020*]

Sửa	chú giải đổi thành, 5.7m (06/2020), tâm đặt tại:	9°37.70'N	106°15.00'E
	chú giải đổi thành, 5.7m (06/2020), tâm đặt tại:	9°39.30'N	106°12.89'E
	chú giải đổi thành, 5.7m (06/2020), tâm đặt tại:	9°41.10'N	106°10.60'E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo hệ tọa độ WGS84)